

Bản án số: 99/2026/DSST
Ngày: 15 – 7 – 2026
“ *V/v Tranh chấp đòi lại tài sản* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đặng Thị Lệ
2/ Ông Nguyễn Trung Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2026/TLST-DS ngày 23/4/2026 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2026/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*
Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958.
Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn:*
Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968.
Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 23/5/2007 bà T cho bà T1 vay 05 chỉ vàng 24K, khi vay có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày bà T thông báo đòi lại 05 chỉ vàng thì bà T1 sẽ trả lại. Sau đó bà T1 trả bà T 3,5 chỉ vàng 24k và còn nợ lại 1,5 chỉ vàng 24K.

Nay bà T yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả 1,5 chỉ vàng 24K. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Vào ngày 23/5/2007 bà T1 có vay của bà T 05 chỉ vàng 24K, khi vay có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày bà T thông báo đòi lại 05 chỉ vàng thì bà T1 sẽ trả lại. Sau đó bà T1 đã trả cho bà T 02 lần cụ thể là:

+ Lần thứ nhất bà T1 trả 3,5 chỉ vàng 24k (không nhớ thời gian cụ thể) và có làm biên nhận trả nợ.

+ Lần thứ 2 bà T1 trả 1,5 chỉ vàng 24k (không nhớ thời gian cụ thể) nhưng không có làm biên nhận trả nợ.

Nay đối với yêu cầu của bà T yêu cầu trả 1,5 chỉ vàng 24K thì bà T1 không đồng ý vì bà T1 không còn nợ bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nhận thấy bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 1,5 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Vào ngày 23/5/2007 bà T cho bà T1 vay 05 chỉ vàng 24K, khi vay có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày bà T thông báo đòi lại 05 chỉ vàng thì bà T1 sẽ trả lại. Sau đó bà T1 trả bà T 3,5 chỉ vàng 24k và còn nợ lại 1,5 chỉ vàng 24K. Đồng thời bà T có nộp cho Tòa án “*Biên nhận*” ngày 23/7/2007 có nội dung thể hiện bà T1 vay của bà T 05 chỉ vàng 24k.

[2] Bà T cho rằng bà T1 đã trả 3,5 chỉ vàng 24k và còn nợ lại 1,5 chỉ vàng 24k. Còn bà T1 thì cho rằng đã trả bà T 02 lần: Lần 1 trả 3,5 chỉ vàng 24k và có làm biên nhận; lần 2 bà T1 trả 1,5 chỉ vàng 24k nhưng không có làm biên nhận. Như vậy giữa bà T và bà T1 chỉ còn tranh chấp số vàng là 1,5 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên bà T1 không có chứng cứ chứng minh việc đã trả bà T số vàng còn nợ là 1,5 chỉ vàng 24k, trong khi bà T không thừa nhận việc bà T1 đã trả nợ 1,5 chỉ vàng 24k..

[3] Căn cứ vào mục [1] và [2], có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà T1 trả số số vàng vay còn nợ là 1,5 chỉ vàng 24k.

[4] Án phí sơ thẩm: Bà [Nguyễn Thị T1](#) phải nộp số tiền (13.000.000 x 1,5 chỉ vàng 24k) x 5% = 975.000đ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 và 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Nguyễn Thị T](#).

2/ Buộc bà [Nguyễn Thị T1](#) có nghĩa vụ trả bà [Nguyễn Thị T](#) số tiền vay còn nợ 1,5 (một chỉ rưỡi) chỉ vàng 24k.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà [Nguyễn Thị T1](#) phải nộp số tiền 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Bà [T](#) được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- Phòng THADS Kv4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Mẫn